ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN HỒNG MỸ

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ……/5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

PHỤ LỤC I: TỔNG HỢP THIỆT HẠI TRỒNG TRỌT

TT	Hộ sản xuất	Thôn	Đối tượng thiệt hại	Xứ đồng	Diện tích lúa thiệt hại (ha)	Thời gian gieo trồng			Mức độ thiệt hại		Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-	Kinh phí hỗ trợ (đồng)		
						1-10 ngày	10-45 ngày	Trên 45 ngày	30-70%	Trên 70%		Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
													NS Trung ương	NS tỉnh
BÃO SỐ 5														
1	Lê Văn Thống	Hồng Mỹ	Lúa	Rào Mỹ Dương	7,00			7,00		7,00	10.000.000	70.000.000	56.000.000	14.000.000
2	Lê Văn Thắng	Hồng Mỹ	Lúa	Rào Mỹ Dương	0,65			0,65		0,65	10.000.000	6.500.000	5.200.000	1.300.000
3	Phan Xuân Cừ	Hồng Mỹ	Lúa	Rào Mỹ Dương	0,50			0,50		0,50	10.000.000	5.000.000	4.000.000	1.000.000
4	Nguyễn Hồng Quang	Hồng Mỹ	Lúa	Rào Mỹ Dương	0,65			0,65		0,65	10.000.000	6.500.000	5.200.000	1.300.000
BÃO SỐ 10														
112	Ngô Thị Nhàn	Hồng Mỹ	Dưa lưới							0,1	15.000.000	1500000	1.200.000	300.000

PHỤ LỤC II: TỔNG HỢP THIỆT HẠI CHĂN NUÔI

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thôn	TỔNG HỢP THIỆT HẠI						Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND (tr.đ)	KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)		Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)		NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 10							**1**	**1**	**1**	**8.200.000**	**8.200.000**	**6.560.000**	**1.640.000**	
1	Nguyễn Xuân Thư	Hồng Mỹ	LỢN				1			1.000.000	1.000.000	800.000	200.000	
2	Lê Thị Vang	Hồng Mỹ	BÒ						1	5.000.000	5.000.000	4.000.000	1.000.000	
3	Phan Trung Thông	Hồng Mỹ	BÒ					1		2.200.000	2.200.000	1.760.000	440.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN THỊNH MỸ

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ……../5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

PHỤ LỤC II: TỔNG HỢP THIỆT HẠI CHĂN NUÔI

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thôn	TỔNG HỢP THIỆT HẠI							Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND (tr.đ)	KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)			Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)			NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 10					**20**	**-**	**-**	**-**	**-**	**38.000**	**760.000**	**608.000**	**152.000**	
1	Phạm Thị Sen	Thịnh Mỹ	Gà		20					38.000	760.000	608.000	152.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN THUẬN MỸ

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ……../5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

PHỤ LỤC I: TỔNG HỢP THIỆT HẠI TRỒNG TRỌT

TT	Hộ sản xuất	Thôn	Loại thiệt hại	Xứ đồng	Diện tích lúa thiệt hại (ha)	Thời gian gieo trồng			Mức độ thiệt hại		Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND (đồng)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)		
						1-10 ngày	10-45 ngày	Trên 45 ngày	30-70%	Trên 70%		Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
													NS Trung ương	NS tỉnh
BÃO SỐ 5					**5,65**		**0,45**	**5,00**		**5,45**	**45.000.000**	**62.000.000**	**49.600.000**	**12.400.000**
1	Hoàng Văn Tân	Thuận Mỹ	Lúa	Rào Mỹ Dương	5,00			5,00		5,00	10.000.000	**50.000.000**	40.000.000	10.000.000
2	Lê Thanh Hải	Thuận Mỹ	Nho	Rào Mỹ Dương	0,45		0,45			0,45	20.000.000	**9.000.000**	7.200.000	1.800.000
3	Lê Thanh Hải	Thuận Mỹ	Dưa lưới	Trang Trại	0,2			x		x	15.000.000	**3.000.000**	2.400.000	600.000

PHỤ LỤC II: TỔNG HỢP THIỆT HẠI CHĂN NUÔI

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thôn	TỔNG HỢP THIỆT HẠI						Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND (tr.đ)	KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)			Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)			NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 10					**424**						**16.112.000**	**12.889.600**	**3.222.400**	
1	Lê Thị Tâm	Thuận Mỹ	Gà		120					38.000	**4.560.000**	3.648.000	912.000	
2	Nguyễn Thị Thơ	Thuận Mỹ	Gà		45					38.000	**1.710.000**	1.368.000	342.000	

3	Lê Thị Hương	Thuận Mỹ	Gà		60					38.000	**2.280.000**	1.824.000	456.000	
4	Trịnh Thị Vinh	Thuận Mỹ	Gà		25					38.000	**950.000**	760.000	190.000	
5	Hoàng Ngọc Vân	Thuận Mỹ	Gà		25					38.000	**950.000**	760.000	190.000	
6	Phan Trường	Thuận Mỹ	Gà		27					38.000	**1.026.000**	820.800	205.200	
7	Nguyễn Thị Thiếp	Thuận Mỹ	Gà		35					38.000	**1.330.000**	1.064.000	266.000	
8	Lê Thị Tuất	Thuận Mỹ	Gà		25					38.000	**950.000**	760.000	190.000	
9	Nguyễn Thị Bính	Thuận Mỹ	Gà		37					38.000	**1.406.000**	1.124.800	281.200	
10	Trần Thị Lan	Thuận Mỹ	Gà		25					38.000	**950.000**	760.000	190.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN QUANG MỸ

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ……./5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

PHỤ LỤC I: TỔNG HỢP THIỆT HẠI TRỒNG TRỌT

TT	Hộ sản xuất	Thôn	Loại thiệt hại	Xứ đồng	Diện tích lúa thiệt hại (ha)	Thời gian gieo trồng			Mức độ thiệt hại		Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND (đồng)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)		
						1-10 ngày	10-45 ngày	Trên 45 ngày	30-70%	Trên 70%		Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
													NS Trung ương	NS tỉnh
BÃO SỐ 5					**1**	**-**	**-**	**1**	**-**	**1**	**20.000.000**	**5.000.000**	**4.000.000**	**1.000.000**
1	Phạm Trường Giảng	Thôn Quang Mỹ	Lúa	Rào Mỹ Dương	0,30			0,30		0,30	10.000.000	3.000.000	2.400.000	600.000
2	Phạm Văn Quý	Thôn Quang Mỹ	Lúa	Rào Mỹ Dương	0,20			0,20		0,20	10.000.000	2.000.000	1.600.000	400.000

PHỤ LỤC II: TỔNG HỢP THIỆT HẠI CHĂN NUÔI

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thôn	TỔNG HỢP THIỆT HẠI							Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND	KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)			Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)			NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 10					**30**					**38.000**	**1.140.000**	**912.000**	**228.000**	
1	Lê Duy Đàn	Quang Mỹ	Gà		30					38.000	1.140.000	912.000	228.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN THANH MINH

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ..../5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

TT	Hộ sản xuất	Thôn		Xứ đồng	Diện tích lúa thiệt hại (ha)	Thời gian gieo trồng			Mức độ thiệt hại		Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/N	Kinh phí hỗ trợ (đồng)		
						1-10 ngày	10-45 ngày	Trên 45 ngày	30-70%	Trên 70%		Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
													NS Trung ương	NS tỉnh
BÃO SỐ 5					**0,15**	**0,08**				**0,08**		**2.010.000**	**1.608.000**	**402.000**
1	Nguyễn Thị Hồng Nhất	Thanh Minh	Nho	Vườn Mãc	0,08	0,08				0,08	12.000.000	**960.000**	768.000	192.000
2	Nguyễn Thị Minh Nhất	Thanh Minh	Dưa lưới	Vườn Mãc	0,07						15.000.000	**1.050.000**	840.000	210.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN TIÊN THUẬN

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ..../5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thôn	TỔNG HỢP THIỆT HẠI							Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND (tr.đ)	KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)			Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)			NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 10					**190**						**7.220.000**	**5.776.000**	**1.444.000**	
1	Đặng Thái Quang	Tiên Thuận	**Gà**		180					38.000	**6.840.000**	5.472.000	1.368.000	
2	Mai Lê Thiện	Tiên Thuận	**Gà**		10					38.000	**380.000**	304.000	76.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN GIANG PHONG THỦY

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ……./5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thôn	TỔNG HỢP THIỆT HẠI							Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND (tr.đ)	KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)			Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)			NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 10					**40**						**1.520.000**	**1.216.000**	**304.000**	
1	Võ Long	Giang Phong Thuỷ	**Gà**		24					38.000	**912.000**	729.600	182.400	
2	Trần Thị l	Giang Phong Thuỷ	**Gà**		16					38.000	**608.000**	486.400	121.600	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN YÊN HÒA
(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ……/5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thô	TỔNG HỢP THIỆT HẠI								Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND (tr.đ)	KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)				Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)				NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 10				**30**	**140**							**5.980.000**	**4.784.000**	**1.196.000**	
1	Đinh Văn Hiền	Yên Hoà	**Gà**		20						38.000	**760.000**	608.000	152.000	
2	Dương Xuan Thân	Yên Hoà	**Gà**		25						38.000	**950.000**	760.000	190.000	
3	Võ Thị Thịnh	Yên Hoà	**Gà**		45						38.000	**1.710.000**	1.368.000	342.000	
4	Nguyễn Thị Vy	Yên Hoà	**Gà**		20						38.000	**760.000**	608.000	152.000	
5	Võ Công Tuấn	Yên Hoà	**Gà**	30							22.000	**660.000**	528.000	132.000	
6	Phan Thị Phượng	Yên Hoà	**Gà**		30						38.000	**1.140.000**	912.000	228.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN YÊN THÔNG

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ……/5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thôn	TỔNG HỢP THIỆT HẠI CHĂN NUÔI							Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND (tr.đ)	KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)			Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)			NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 10					**202**						**7.676.000**	**6.140.800**	**1.535.200**	
1	Nguyễn Thị Bình	Yên Thông	**Gà**		47					38.000	**1.786.000**	1.428.800	357.200	
2	Đặng Văn Hoa	Yên Thông	**Gà**		25					38.000	**950.000**	760.000	190.000	
3	Phan Thị Vân	Yên Thông	**Gà**		10					38.000	**380.000**	304.000	76.000	
4	Phan Thị Chấm	Yên Thông	**Gà**		20					38.000	**760.000**	608.000	152.000	
5	Phan Văn Báo	Yên Thông	**Gà**		20					38.000	**760.000**	608.000	152.000	
6	Trần Thị Liên	Yên Thông	**Gà**		20					38.000	**760.000**	608.000	152.000	
7	Nguyễn Văn Cảnh	Yên Thông	**Gà**		20					38.000	**760.000**	608.000	152.000	
8	Lê Xuân Quang	Yên Thông	**Gà**		20					38.000	**760.000**	608.000	152.000	
9	Phan Xuân Vĩnh	Yên Thông	**Gà**		20					38.000	**760.000**	608.000	152.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN NAM NGỌC

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ……./5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thôn	TỔNG HỢP THIỆT HẠI CHĂN NUÔI							Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND	KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)			Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)			NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 10				**300**							**6.600.000**	**5.280.000**	**1.320.000**	
1	Lê Văn Cảnh	Nam Ngọc	Gà	300						22.000	**6.600.000**	5.280.000	1.320.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN YÊN NGƯ

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ……./5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thôn	TỔNG HỢP THIỆT HẠI CHĂN NUÔI							Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND	KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)			Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)			NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 10					**967**						**36.746.000**	**29.396.800**	**7.349.200**	
1	Trần Thị Liên	Yên Ngư	Gà + vịt		55					38.000	**2.090.000**	1.672.000	418.000	
2	Lê Thị Thái	Yên Ngư	Gà + ngan		31					38.000	**1.178.000**	942.400	235.600	
3	Trần Thị Cúc	Yên Ngư	Gà +Vịt		43					38.000	**1.634.000**	1.307.200	326.800	
4	Trịnh Thị Thành	Yên Ngư	Gà +Vịt		60					38.000	**2.280.000**	1.824.000	456.000	
5	Trần Thị Nguyệt	Yên Ngư	Gà		30					38.000	**1.140.000**	912.000	228.000	
6	Trần Thị Ngà	Yên Ngư	Gà		30					38.000	**1.140.000**	912.000	228.000	
7	Lê Thị Nụ	Yên Ngư	Gà		24					38.000	**912.000**	729.600	182.400	
8	Nguyễn Thị Kim Anh	Yên Ngư	Gà		25					38.000	**950.000**	760.000	190.000	
9	Hoàng Văn Duẩn	Yên Ngư	Gà		30					38.000	**1.140.000**	912.000	228.000	
10	Bùi Thị Hoài	Yên Ngư	Gà		23					38.000	**874.000**	699.200	174.800	
11	Trịnh Thị Thảo	Yên Ngư	Gà + Ngan		40					38.000	**1.520.000**	1.216.000	304.000	
12	Trịnh Sơn Ca	Yên Ngư	Gà		10					38.000	**380.000**	304.000	76.000	
13	Trần Thị Oánh	Yên Ngư	Gà		15					38.000	**570.000**	456.000	114.000	
14	Nguyễn Quốc Việt	Yên Ngư	Gà		20					38.000	**760.000**	608.000	152.000	
15	Trần Văn Cảnh	Yên Ngư	Gà		20					38.000	**760.000**	608.000	152.000	
16	Nguyễn Văn Minh	Yên Ngư	Gà		21					38.000	**798.000**	638.400	159.600	
17	Nguyễn Văn Hường	Yên Ngư	Gà		23					38.000	**874.000**	699.200	174.800	
18	Trần Văn Hào	Yên Ngư	Gà + vịt		34					38.000	**1.292.000**	1.033.600	258.400	
19	Ngô Thị Phương	Yên Ngư	Gà		25					38.000	**950.000**	760.000	190.000	
20	Nguyễn Thị Thanh	Yên Ngư	Gà + vịt		28					38.000	**1.064.000**	851.200	212.800	
21	Nguyễn Văn Quế	Yên Ngư	Gà		16					38.000	**608.000**	486.400	121.600	
22	Hoàng Văn Hoàn	Yên Ngư	Gà		20					38.000	**760.000**	608.000	152.000	
23	Mai Văn Tuấn	Yên Ngư	Gà + vịt		62					38.000	**2.356.000**	1.884.800	471.200	

24	Nguyễn Xuân Đợi	Yên Ngư	Gà + vịt		31					38.000	**1.178.000**	942.400	235.600	
25	Phan Thị Giáng	Yên Ngư	Gà		10					38.000	**380.000**	304.000	76.000	
26	Dương Quang Trung	Yên Ngư	Gà + vịt		60					38.000	**2.280.000**	1.824.000	456.000	
27	Trần Thị Chinh	Yên Ngư	Gà		32					38.000	**1.216.000**	972.800	243.200	
28	Lê Thị Hoa	Yên Ngư	Gà		59					38.000	**2.242.000**	1.793.600	448.400	
29	Lê Thị Toán	Yên Ngư	Gà		27					38.000	**1.026.000**	820.800	205.200	
30	Nguyễn Thị Huyên	Yên Ngư	Gà		19					38.000	**722.000**	577.600	144.400	
31	Hoàng Thị Huyền	Yên Ngư	Gà		10					38.000	**380.000**	304.000	76.000	
32	Trần Thị Minh	Yên Ngư	Gà		10					38.000	**380.000**	304.000	76.000	
33	Trần Thị Tuyết	Yên Ngư	Gà		24					38.000	**912.000**	729.600	182.400	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN HẢI LỢI

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ……./5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thôn	TỔNG HỢP THIỆT HẠI CHĂN NUÔI							KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)		Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND (tr.đ)	Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó	
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)			NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 10				**20**							**440.000**	**352.000**	**88.000**	
	Phan Thị Huệ	Hải Lợi	Gà	20						22.000	**440.000**	352.000	88.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN THÀNH HẢI

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ……../5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

PHỤ LỤC I: TỔNG HỢP THIỆT HẠI TRỒNG TRỌT

TT	Hộ sản xuất	Thôn		Xứ đồng	Diện tích lúa thiệt hại (ha)	Thời gian gieo trồng			Mức độ thiệt hại		Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND (đồng)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)		
						1-10 ngày	10-45 ngày	Trên 45 ngày	30-70%	Trên 70%		Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
													NS Trung ương	NS tỉnh
BÃO SỐ 5					**3,00**							**30.000.000**	**24.000.000**	**6.000.000**
1	Nguyễn Thị Thanh	Thôn Thanh Hải	Lúa	Hội Nhất	0,30			0,30		0,30	10.000.000	3.000.000	2.400.000	600.000
2	Phạm Thị Lan	Thôn Thanh Hải	Lúa	Hội Nhất	0,15			0,15		0,15	10.000.000	1.500.000	1.200.000	300.000
3	Đặng Thị Hiên	Thôn Thanh Hải	Lúa	Bàu Dài	0,15			0,15		0,15	10.000.000	1.500.000	1.200.000	300.000
4	Trần Thị Ngụ	Thôn Thanh Hải	Lúa	Bàu Dài	0,15			0,15		0,15	10.000.000	1.500.000	1.200.000	300.000
5	Đinh Thị Thu Anh	Thôn Thanh Hải	Lúa	Bàu Dài	0,20			0,20		0,20	10.000.000	2.000.000	1.600.000	400.000
6	Trần Thị Thảo	Thôn Thanh Hải	Lúa	Bàu Dài	0,10			0,10		0,10	10.000.000	1.000.000	800.000	200.000
7	Trịnh Thị Cúc	Thôn Thanh Hải	Lúa	Bàu Dài	0,10			0,10		0,10	10.000.000	1.000.000	800.000	200.000
8	Trần Thị Thanh	Thôn Thanh Hải	Lúa	Hội Nhất	0,15			0,15		0,15	10.000.000	1.500.000	1.200.000	300.000
9	Trịnh Thị Duyên	Thôn Thanh Hải	Lúa	Hội Nhất	0,25			0,25		0,25	10.000.000	2.500.000	2.000.000	500.000
10	Trần Thị Minh	Thôn Thanh Hải	Lúa	Hội Nhất	0,15			0,15		0,15	10.000.000	1.500.000	1.200.000	300.000
11	Trịnh Thị Phượng	Thôn Thanh Hải	Lúa	Hội Nhất	0,35			0,35		0,35	10.000.000	3.500.000	2.800.000	700.000
12	Trần Thị Thuyết	Thôn Thanh Hải	Lúa	Hội Nhất	0,35			0,35		0,35	10.000.000	3.500.000	2.800.000	700.000
13	Trần Thị Kim Ngoan	Thôn Thanh Hải	Lúa	Hội Nhất	0,15			0,15		0,15	10.000.000	1.500.000	1.200.000	300.000
14	Trần Thị Chuyên	Thôn Thanh Hải	Lúa	Hội Nhất	0,35			0,35		0,35	10.000.000	3.500.000	2.800.000	700.000
15	Trần Thị Oanh	Thôn Thanh Hải	Lúa	Hội Nhất	0,10			0,10		0,10	10.000.000	1.000.000	800.000	200.000

PHỤ LỤC II: TỔNG HỢP THIỆT HẠI CHĂN NUÔI

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thôn	TỔNG HỢP THIỆT HẠI							Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND (tr.đ)	KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)			Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)			NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 5					**150**						**5.700.000**	**4.560.000**	**1.140.000**	
1	Trần Thị Kim Liên	Thành Hải	Gà		40					38.000	1.520.000	1.216.000	304.000	
2	Trần Thị Minh	Thành Hải	Gà		40					38.000	1.520.000	1.216.000	304.000	
3	Hoàng Thị Xuân	Thành Hải	Gà		30					38.000	1.140.000	912.000	228.000	
4	Trần Thị Thuyết	Thành Hải	Gà		40					38.000	1.520.000	1.216.000	304.000	
BÃO SỐ 10					**761**						**28.918.000**	**23.134.400**	**5.783.600**	
8	Trần Thị Minh	Thành Hải	Gà		30					38.000	1.140.000	912.000	228.000	
9	Phan Thị Hoa	Thành Hải	Gà		28					38.000	1.064.000	851.200	212.800	
10	Võ Thị Sửu	Thành Hải	Gà		31					38.000	1.178.000	942.400	235.600	
11	Trần Thị Thanh	Thành Hải	Gà		35					38.000	1.330.000	1.064.000	266.000	
12	Trần Thị Oanh	Thành Hải	Gà		26					38.000	988.000	790.400	197.600	
13	Trần Đức Chinh	Thành Hải	Gà		31					38.000	1.178.000	942.400	235.600	
14	Trần Thị Nhung	Thành Hải	Gà		77					38.000	2.926.000	2.340.800	585.200	
15	Trần Văn Được	Thành Hải	Gà		17					38.000	646.000	516.800	129.200	
16	Phan Thị Thanh Tam	Thành Hải	Gà		25					38.000	950.000	760.000	190.000	
17	Trần Thị Loan	Thành Hải	Gà		30					38.000	1.140.000	912.000	228.000	
18	Trần Thị Chuyên	Thành Hải	Gà		26					38.000	988.000	790.400	197.600	
19	Trần Quốc Hai	Thành Hải	Gà		30					38.000	1.140.000	912.000	228.000	
20	Trần Thị Lục	Thành Hải	Gà		24					38.000	912.000	729.600	182.400	
21	Trần Thị Thuyết	Thành Hải	Gà		27					38.000	1.026.000	820.800	205.200	
22	Hoàng Thị Xuân	Thành Hải	Gà		20					38.000	760.000	608.000	152.000	
23	Lê Thị Thiu	Thành Hải	Gà		22					38.000	836.000	668.800	167.200	
24	Phan Thị Trang	Thành Hải	Gà		20					38.000	760.000	608.000	152.000	
25	Trần Công Luận	Thành Hải	Gà + ngan		56					38.000	2.128.000	1.702.400	425.600	
26	Lê Duy Tiến	Thành Hải	Gà		20					38.000	760.000	608.000	152.000	
27	Nguyễn Hồng Sơn	Thành Hải	Gà		33					38.000	1.254.000	1.003.200	250.800	
28	Trịnh Thị Duyên	Thành Hải	Gà		28					38.000	1.064.000	851.200	212.800	
29	Nguyễn Thị Xuân	Thành Hải	Gà		40					38.000	1.520.000	1.216.000	304.000	
30	Trịnh Thị Phương	Thành Hải	Gà		26					38.000	988.000	790.400	197.600	
31	Nguyễn Thị Lan	Thành Hải	Gà		32					38.000	1.216.000	972.800	243.200	
32	Trịnh Thị Hạnh	Thành Hải	Gà		27					38.000	1.026.000	820.800	205.200	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN MINH HÒA

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ……./5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thôn	TỔNG HỢP THIỆT HẠI CHĂN NUÔI							Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND (tr.đ)	KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)			Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)			NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 10					**114**		**2**				**6.332.000**	**5.065.600**	**1.266.400**	
1	Phan Thị Tiêu	Minh Hoà	Gà		19					38.000	722.000	577.600	144.400	
2	Trần Thị Loan	Minh Hoà	Gà + Vịt		95					38.000	3.610.000	2.888.000	722.000	
		Minh Hoà	LỢN				2			1.000.000	2.000.000	1.600.000	400.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN THÀNH VÂN
(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ……/5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thôn	TỔNG HỢP THIỆT HẠI CHĂN NUÔI							Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND (tr.đ)	KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)			Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)			NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 10					**102**						**3.876.000**	**3.100.800**	**775.200**	
1	Phan Thị Duyên	Thành Vân	Ngan		54					38.000	**2.052.000**	1.641.600	410.400	
2	Phạm Văn Phức	Thành Vân	Gà		12					38.000	**456.000**	364.800	91.200	
3	Trịnh Thịa Mai	Thành Vân	Gà		13					38.000	**494.000**	395.200	98.800	
4	Lê Duy Hương	Thành Vân	Ngan		23					38.000	**874.000**	699.200	174.800	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN THANH VĂN

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ……../5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

PHỤ LỤC I: TỔNG HỢP THIỆT HẠI TRỒNG TRỌT

TT	Hộ sản xuất	Thôn	Đối tượng thiệt hại	Xứ đồng	Diện tích lúa thiệt hại (ha)	Thời gian gieo trồng			Mức độ thiệt hại		Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND (đồng)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)		
						1-10 ngày	10-45 ngày	Trên 45 ngày	30-70%	Trên 70%		Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó	
													NS Trung ương	NS tỉnh
BÃO SỐ 5					**1**	**-**	**-**	**1,35**	**-**	**1,35**		**13.500.000**	**10.800.000**	**2.700.000**
1	Trần Văn Thắng	Thanh Văn	Lúa	Rào Mỹ Dương	0,30			0,30		0,30	10.000.000	**3.000.000**	2.400.000	600.000
2	Nguyễn Thị Loan	Thanh Văn	Lúa	Rào Mỹ Dương	0,40			0,40		0,40	10.000.000	**4.000.000**	3.200.000	800.000
3	Phan Văn Tụy	Thanh Văn	Lúa	Rào Mỹ Dương	0,65			0,65		0,65	10.000.000	**6.500.000**	5.200.000	1.300.000

PHỤ LỤC II: TỔNG HỢP THIỆT HẠI CHĂN NUÔI

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thôn	TỔNG HỢP THIỆT HẠI CHĂN NUÔI							Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-	KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)			Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)			NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 10					**205**	**-**	**-**	**-**	**-**		**8.670.000**	**6.936.000**	**1.734.000**	**-**
1	Phan Văn Hợi	Thanh Văn	vịt		200					38.000	**7.600.000**	6.080.000	1.520.000	
2	Phạm Công Ngại	Thanh Văn	Gà		5					38.000	**190.000**	152.000	38.000	
3	Trần Văn Dũng	Thanh Văn	Gà +Ngan	40						22.000	**880.000**	704.000	176.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN THÀNH YÊN

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ……./5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thôn	TỔNG HỢP THIỆT HẠI CHĂN NUÔI							Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND (tr.đ)	KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)			Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)			NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 10					**22**						**836.000**	**668.800**	**167.200**	
1	Nguyễn Văn Nhơn	Thành yên	Vịt + ngan		22					38.000	836.000	668.800	167.200	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN THÀNH TIẾN
(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ……/5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thôn	TỔNG HỢP THIỆT HẠI CHĂN NUÔI							Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND	KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)			Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)			NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 10					**40**						**1.520.000**	**1.216.000**	**304.000**	
1	Phan Tất Thành	Thành Tiến	Gà		30					38.000	**1.140.000**	912.000	228.000	
2	Nguyễn Trọng Tình	Thành Tiến	Gà		10					38.000	**380.000**	304.000	76.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN THÀNH LONG

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ……./5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thôn	TỔNG HỢP THIỆT HẠI CHĂN NUÔI							Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND (tr.đ)	KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)			Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)			NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 10					**102**						**3.876.000**	**3.100.800**	**775.200**	
1	Lê Duy Cường	Thành Long	Gà		30					38.000	1.140.000	912.000	228.000	
2	Dương Xuan Nhiệm	Thành Long	Gà		11					38.000	418.000	334.400	83.600	
3	Trịnh Văn Lợi	Thành Long	Gà		26					38.000	988.000	790.400	197.600	
4	Trịnh Thị Hiệu	Thành Long	Gà		35					38.000	1.330.000	1.064.000	266.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIÊN ĐIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SACH NIÊM YẾT CÔNG KHAI
CÁC HỘ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÔN THÀNH SƠN

(Kèm theo Thông báo số ...../TB-UBND ngày ……./5/2026 của UBND xã Tiên Điền)

TT	Họ tên hộ	Đơn vị thôn	TỔNG HỢP THIỆT HẠI CHĂN NUÔI							Định mức hỗ trợ theo NĐ 09/2025/NĐ-CP, NQ 151/2025/NQ-HĐND (tr.đ)	KINH PHÍ HỖ TRỢ			Ghi chú
			Đối tượng thiệt hại	Độ tuổi sinh trưởng (đối với Gà- vịt)		Độ tuổi sinh trưởng (Lợn)		Độ tuổi sinh trưởng (đối với Bò)			Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đ)	Trong đó		
				Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 28 ngày tuổi (con)	Trên 28 ngày tuổi (con)	Đến 6 tháng (con)	Trên 6 tháng tuổi (con)			NSTW hỗ trợ (đ)	NS tỉnh đảm bảo (đ)	
BÃO SỐ 10					**20**						**760.000**	**608.000**	**152.000**	
1	Trần Thị Thơ	Thanh Sơn	Gà		20					38.000	760.000	608.000	152.000	